UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**
Số: 2911 /QĐ-UBND	*Quảng Ninh, ngày 26 tháng 7 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách học viên tham gia lớp bồi dưỡng kiến thức Quản lý Nhà nước chương trình Chuyên viên chính năm 2017

Người ký: Văn phòng Ủy ban nhân dân
Email: vpubnd@quangninh.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Quảng Ninh
Thời gian ký: 28.07.2017 15:52:36 +07:00
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 388/2017/QĐ-UBND ngày 08/2/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 2165/QĐ-UBND ngày 05/6/2017 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành Kế hoạch và phân bổ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Quảng Ninh năm 2017;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Công văn số 1406/SNV-VP ngày 21/7/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách 155 học viên là cán bộ, công chức, viên chức thuộc các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tham gia lớp bồi dưỡng kiến thức Quản lý Nhà nước chương trình Chuyên viên chính năm 2017.

- Số lớp: 02, có danh sách học viên kèm theo.

- Thời gian học 2 tháng;

+ Lớp 01, Khai giảng: 8 giờ, ngày 09/8/2017;

+ Lớp 02, khai giảng: 8 giờ, ngày 13/9/2017.

(Lịch học cụ thể theo bố trí của Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ).

- Địa điểm: Cơ sở 2, Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ, Cột 8, phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Kinh phí tổ chức được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước, được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2165/QĐ-UBND ngày 05/6/2017.

Điều 3. Các Ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ, Sở Tài chính; Hiệu trưởng Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ và các cá nhân có tên trong danh sách tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch, P3 UBND tỉnh;
- Như điều 3 (thực hiện);
- V0, V3, XV3, GD;
- Lưu: VT, GD.

GD-QĐ.37

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Thị Thu Thủy

DANH SÁCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC THAM GIA LỚP BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CHƯƠNG TRÌNH CHUYÊN VIÊN CHÍNH, NĂM 2017- Lớp 01

(Ban hành kèm theo Quyết định số:2911/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2017 của UBND tỉnh))

	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Chức danh, vị trí công tác	Đơn vị công tác	Ghi chú
		Nam	Nữ				
1	Nguyễn Hà Châu		1978	Kinh	Phó phòng, Phòng Kinh tế ngành	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
2	Trần Thanh Hồng		1980	Kinh	Phó Chánh Văn phòng Sở	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
3	Nguyễn Minh Khương	1979		Kinh	Phó Trưởng phòng, Phòng Quản lý Giá, Công sản	Sở Tài chính	
4	Hoàng Văn Hồi	1974		Kinh	Phó Giám đốc, Trung tâm Bảo trợ xã hội	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
5	Nguyễn Thị Sơn Hà		1968	Kinh	Trưởng phòng Chính sách 06, Chi cục phòng chống tệ nạn xã hội	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
6	Phan Hải Phương		1977	Kinh	Chuyên viên phòng Bảo vệ, chăm sóc trẻ em	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
7	Đoàn Hải Lý		1976	Kinh	Phó Trưởng phòng Phòng Quản lý khoa học	Sở Khoa học và Công nghệ	
8	Đặng Hoàng Long	1980		Kinh	Phó Giám đốc Trung tâm ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	
9	Đinh Xuân Thắng	1985		Kinh	Chuyên viên phòng Nghiệp vụ TDTT	Sở Văn hóa - Thể thao	
10	Nguyễn Thị Thanh Huyền		1982	Kinh	Phó phòng Kế hoạch Phát triển Tài nguyên Du lịch	Sở Du lịch	
11	Nguyễn Thị Lan		1985	Kinh	Chuyên viên phòng Quản lý lữ hành	Sở Du lịch	
12	Ngô Văn Khánh	1977		Kinh	Phó Chánh Thanh tra	Sở Y tế	

	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Chức danh, vị trí công tác	Đơn vị công tác	Ghi chú
		Nam	Nữ				
13	Phạm Văn Diễn	1969		Kinh	Chuyên viên phòng Giáo dục truyền thông và Chỉ đạo tuyến, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	Sở Y tế	
14	Phạm Ngọc Dũng	1978		Kinh	Chuyên viên phòng Kế hoạch Tài chính	Sở Y tế	
15	Trịnh Văn Sáng	1980		Kinh	Phó Trưởng phòng Quản lý kết cấu hạ tầng và An toàn giao thông	Sở Giao thông vận tải	
16	Bùi Trọng Mỹ	1972		Kinh	Phó Trạm trưởng phụ trách Trạm Kiểm tra tải trọng xe Quốc lộ 18	Sở Giao thông vận tải	
17	Phạm Quốc Huân	1967		Kinh	Trưởng phòng Tổ chức Hành chính, Viện Quy hoạch và Thiết kế xây dựng Quảng Ninh	Sở Xây dựng	
18	Nguyễn Thanh Thùy		1985	Kinh	Chuyên viên Văn phòng Sở	Sở Xây dựng	
19	Mai Bình Dương	1981		Kinh	Giám đốc Trung tâm Quy hoạch kiến trúc, Viện Quy hoạch và Thiết kế xây dựng Quảng Ninh	Sở Xây dựng	
20	Cam Đức Quân	1976		Kinh	Chuyên viên phòng Quản lý thương mại	Sở Công thương	
21	Phạm Hồng Quang	1984		Kinh	Chuyên viên phòng Quản lý Năng lượng	Sở Công thương	
22	Phạm Phúc Quảng	1973		Kinh	Giám đốc Ban Quản lý các dự án công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và PTNT	
23	Trần Duy Chinh	1975		Kinh	Phó Chi cục trưởng, Chi cục Thủy sản	Sở Nông nghiệp và PTNT	
24	Nguyễn Bá Lâm	1972		Kinh	Phó Giám đốc, Trung tâm Khuyến nông	Sở Nông nghiệp và PTNT	
25	Trần Thị Thu Huyền		1982	Kinh	Chuyên viên phòng Kỹ thuật -Môi trường	Sở Nông nghiệp và PTNT	

	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Chức danh, vị trí công tác	Đơn vị công tác	Ghi chú
		Nam	Nữ				
26	Nguyễn Thị Đông		1986	Kinh	Trưởng phòng Hành chính - tổng hợp, Chi cục Thủy lợi	Sở Nông nghiệp và PTNT	
27	Phạm Đình Ngọc	1976		Kinh	Trưởng phòng Phòng, chống thiên tai, Chi cục Thủy lợi	Sở Nông nghiệp và PTNT	
28	Trần Văn Thực	1972		Kinh	Phó Chi cục trưởng, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và PTNT	
29	Nguyễn Văn Trìu	1981		Kinh	Phó Chánh Thanh tra	Sở Tài nguyên và Môi trường	
30	Nguyễn Thị Thu		1980	Kinh	Phó Trưởng phòng, Phòng Văn bản và theo dõi thi hành pháp luật	Sở Tư pháp	
31	Vũ Thị Uyên		1985	Kinh	Phó Giám đốc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước	Sở Tư pháp	
32	Phạm Tiến Dũng	1985		Kinh	Chuyên viên Văn phòng	Sở Nội vụ	
33	Nguyễn Thị Thanh Hương		1981	Kinh	Chuyên viên phòng TCBC&TCPCP	Sở Nội vụ	
34	Nhữ Văn Nguyện	1983		Kinh	Trưởng phòng HC-TH, Ban Tôn giáo	Sở Nội vụ	
35	Nguyễn Thị Thúy Vân		1984	Kinh	Chuyên viên phòng HC-TH, Chi cục Văn thư - Lưu trữ	Sở Nội vụ	
36	Nguyễn Thị Thúy Loan		1983	Kinh	Phó Trưởng phòng Lễ tân - Biên phiên dịch	Sở Ngoại vụ	
37	Nguyễn Thị Giang		1982	Kinh	Thanh tra viên Thanh tra Sở	Sở Thông tin và Truyền thông	
38	Trịnh Thị Phương		1983	Kinh	Chuyên viên phòng Công nghệ thông tin	Sở Thông tin và Truyền thông	
39	Lê Tiến Mạnh	1984		Kinh	Phó Trưởng phòng, Phòng Quy hoạch - Tài nguyên và Môi trường	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	
40	Vũ Thị Kim Huệ		1984	Kinh	Chuyên viên phòng Tổng hợp	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	

	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Chức danh, vị trí công tác	Đơn vị công tác	Ghi chú
		Nam	Nữ				
41	Nguyễn Anh Tuấn	1977		Kinh	Thanh tra viên phòng Thanh tra, Giải quyết khiếu nại tố cáo IV	Thanh tra tỉnh	
42	Vũ Thị Thanh Nhàn		1979	Kinh	Phó Chánh Thanh tra	Ban Dân tộc tỉnh	
43	Nguyễn Lưu Trung	1984		Kinh	Trưởng phòng Văn phòng đại diện KKT Vân Đồn	Ban Quản lý Khu kinh tế	
44	Lê Phương Hà		1985	Tày	Chuyên viên Văn phòng	Ban Quản lý Khu kinh tế	
45	Mạc Hải Thanh		1973	Kinh	Chuyên viên phòng OCOP	Ban Xây dựng nông thôn mới	
46	Bùi Thị Vân Anh		1976	Kinh	Phó phòng, Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật	Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng công trình Văn hóa thể thao	
47	Lê Thị Lan		1979	Kinh	Trưởng phòng Biên tập chương trình truyền hình	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	
48	Phạm Hoài Thương		1974	Kinh	Phó Hiệu trưởng	Trường Cao đẳng Y tế Quảng Ninh	
49	Vũ Thị Hồng Chinh		1975	Kinh	Phó phòng, Phòng Lao động Thương binh và Xã hội	UBND thành phố Hạ Long	
50	Nguyễn Thị Bằng		1978	Kinh	Phó phòng, Phòng Văn hóa - Thể thao	UBND thành phố Hạ Long	
51	Vũ Công Dũng	1983		Kinh	Chuyên viên Văn phòng HĐND - UBND	UBND thành phố Hạ Long	
52	Nguyễn Thị Thủy		1985	Kinh	Chuyên viên phòng Nội vụ	UBND thành phố Cẩm Phả	
53	Phạm Mai Anh	1977		Kinh	Phó Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND thành phố Cẩm Phả	
54	Phạm Thái Sơn	1971		Kinh	Phó trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	UBND thành phố Uông Bí	

	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Chức danh, vị trí công tác	Đơn vị công tác	Ghi chú
		Nam	Nữ				
55	Đỗ Quang Tứ	1981		Kinh	Phó trưởng phòng Phòng Văn hóa và Thông tin	UBND thành phố Uông Bí	
56	Bùi Tiến Hưng	1982		Kinh	Phó Chánh Thanh tra thành phố	UBND thành phố Uông Bí	
57	Phạm Quang Cảnh	1980		Kinh	Phó Chánh Thanh tra thị xã	UBND thị xã Quảng Yên	
58	Nguyễn Đức Tặng	1982		Kinh	Phó Trưởng phòng, Phòng Quản lý đô thị	UBND thị xã Quảng Yên	
59	Nguyễn Hoàng Thiện	1981		Kinh	Phó Chánh Văn phòng HĐND và UBND thị xã	UBND thị xã Đông Triều	
60	Nguyễn Quốc Hưng	1971		Kinh	Phó Trưởng phòng, Phòng Y tế	UBND thị xã Đông Triều	
61	Hoàng Quang Phong	1969		Kinh	Phó Trưởng phòng, Phòng Giáo dục và Đào tạo	UBND thị xã Đông Triều	
62	Nguyễn Hữu Nhã	1975		Kinh	Phó Chủ tịch	UBND huyện Hoành Bồ	
63	Hoàng Minh Đức	1971		Kinh	Trưởng phòng, Phòng Tư pháp	UBND huyện Hoành Bồ	
64	Đỗ Văn Quang	1976		Kinh	Phó Trưởng phòng, Phòng Giáo dục và Đào tạo	UBND huyện Cô Tô	
65	Đặng Tiến Sỹ	1981		Kinh	Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường	UBND huyện Vân Đồn	
66	Trần Quốc Việt	1984		Kinh	Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND huyện Vân Đồn	
67	Nguyễn Thị Thùy		1979	Kinh	Chuyên viên phòng Văn hóa và Thông tin	UBND huyện Vân Đồn	
68	Vũ Thị Duyên		1972	Kinh	Phó Trưởng phòng, Phòng Giáo dục và Đào tạo	UBND huyện Tiên Yên	
69	Đỗ Thị Duyên		1986	Kinh	Phó Trưởng phòng, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND huyện Tiên Yên	

	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Chức danh, vị trí công tác	Đơn vị công tác	Ghi chú
		Nam	Nữ				
70	Lục Thị So		1982	Tày	Phó Trưởng phòng Nội vụ	UBND huyện Bình Liêu	
71	Hoàng Huy Hương	1979		Tày	Phó Trưởng Ban Pháp chế, Hội đồng nhân dân huyện	UBND huyện Bình Liêu	
72	Hoàng Thị Thanh		1976	Tày	Phó Trưởng phòng Dân tộc	UBND huyện Bình Liêu	
73	Hoàng Trường Sơn	1976		Kinh	Trưởng phòng Văn hóa và Thông tin	UBND huyện Ba Chẽ	
74	Lê Trung Hiếu	1982		Kinh	Chuyên viên phòng Giáo dục và Đào tạo	UBND huyện Đầm Hà	
75	Nguyễn Trung Kiên	1978		Kinh	Phó Trưởng phòng, Phòng Lao động - Thương binh và xã hội	UBND huyện Đầm Hà	

Ấn định danh sách này gồm 75 người./.

DANH SÁCH CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC THAM GIA LỚP BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CHƯƠNG TRÌNH CHUYÊN VIÊN CHÍNH, NĂM 2017- Lớp 02

(Ban hành kèm theo Quyết định số:2911/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2017 của UBND tỉnh)

TT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Chức danh, vị trí công tác	Đơn vị công tác	Ghi chú
		Nam	Nữ				
1	Đào Thị Thanh Huyền		1981	Kinh	Phó phòng, Phòng Kinh tế đối ngoại	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
2	Nguyễn Thị Thu Trang		1984	Kinh	Phó phòng, Phòng Khoa giáo, văn xã	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
3	Lô Hạnh Mai		1984	Tày	Phó Trưởng phòng, Phòng Quản lý ngân sách	Sở Tài chính	
4	Hoàng Thanh Thủy		1984	Kinh	Phó Trưởng phòng, Phòng Tài chính hành chính sự nghiệp	Sở Tài chính	
5	Vũ Sỹ Hùng	1963		Kinh	Trưởng phòng, Phòng Lao động việc làm - Tiền lương - BHXH	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
6	Nguyễn Nam Thắng	1971		Kinh	Phó Trưởng phòng Dạy nghề	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
7	Đoàn Thị Thu Hiền		1973	Kinh	Phó Chủ tịch Công đoàn ngành, Công đoàn giáo dục tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	
8	Trương Quốc Tám	1974		Kinh	Chuyên viên phòng GDTrH	Sở Giáo dục và Đào tạo	
9	Hà Huy Long	1972		Kinh	Phó Trưởng phòng KHTC	Sở Giáo dục và Đào tạo	
10	Nguyễn Thanh Thảo		1981	Kinh	Phó Trưởng phòng KT&KĐ chất lượng giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo	
11	Nguyễn Thị Huyền Trang		1987	Kinh	Chuyên viên Văn phòng Sở	Sở Giáo dục và Đào tạo	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Chức danh, vị trí công tác	Đơn vị công tác	Ghi chú
		Nam	Nữ				
12	Lê Thị Hải Yến		1984	Kinh	Chuyên viên phòng Quản lý chuyên ngành	Sở Khoa học và Công nghệ	
13	Nguyễn Mạnh Hùng	1979		Kinh	Phó trưởng phòng Kiểm tra chất lượng SPHH, Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	
14	Vũ Ngọc Hà		1980	Kinh	Phó Chánh Văn phòng	Sở Văn hóa - Thể thao	
15	Nguyễn Thị Giang		1983	Kinh	Chuyên viên phòng Quản lý Di sản	Sở Văn hóa - Thể thao	
16	Trần Thị Quỳnh Vân		1982	Kinh	Chuyên viên phòng Kế hoạch Phát triển Tài nguyên Du lịch	Sở Du lịch	
17	Nguyễn Hải Nam	1982		Kinh	Chuyên viên phòng Quản lý lữ hành	Sở Du lịch	
18	Bùi Thị Nguyệt Ánh		1981	Kinh	Chuyên viên Phòng Nghiệp vụ Y	Sở Y tế	
19	Phạm Ngọc Dung		1980	Kinh	Chuyên viên phòng Truyền thông Giáo dục, Chi cục Dân số Kế hoạch hóa gia đình	Sở Y tế	
20	Nguyễn Đức Quang	1980		Kinh	Phó Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính	Sở Y tế	
21	Phan Quang Trung	1964		Kinh	Phó Đội trưởng, Thanh tra Sở	Sở Giao thông vận tải	
22	Trần Vũ Ba	1970		Kinh	Trưởng phòng Kế toán tổng hợp, Trung tâm sát hạch lái xe	Sở Giao thông vận tải	
23	Nguyễn Thị Phượng		1972	Kinh	Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Cảng vụ đường thủy nội địa	Sở Giao thông vận tải	
24	Đặng Quốc Chung	1985		Kinh	Phó Trưởng phòng Quản lý nhà và thị trường bất động sản	Sở Xây dựng	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Chức danh, vị trí công tác	Đơn vị công tác	Ghi chú
		Nam	Nữ				
25	Nguyễn Lan Chi		1986	Kinh	Phó Trưởng phòng Tổ chức hành chính, Viện Quy hoạch và Thiết kế xây dựng Quảng Ninh	Sở Xây dựng	
26	Vũ Thế Lâm	1982		Kinh	Thanh tra viên Thanh tra Sở	Sở Xây dựng	
27	Đoàn Thị Trinh		1983	Kinh	Chuyên viên phòng Quản lý Xuất nhập khẩu	Sở Công thương	
28	Vũ Bình Minh	1975		Kinh	Phó Giám đốc Trung tâm Xúc tiến thương mại	Sở Công thương	
29	Trần Văn Lãnh	1978		Kinh	Phó Trưởng phòng Quản lý xây dựng công trình	Sở Nông nghiệp và PTNT	
30	Nguyễn Thị Chung		1983	Kinh	Chuyên viên phòng Kỹ thuật - Môi trường	Sở Nông nghiệp và PTNT	
31	Nguyễn Thị Bích Thoan		1980	Kinh	Phó Trưởng phòng Chế biến Thương mại nông sản, Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản	Sở Nông nghiệp và PTNT	
32	Đỗ Thị Hồng		1982	Kinh	Trưởng phòng Trồng trọt, Chi cục Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và PTNT	
33	Vũ Hải Trung	1980		Kinh	Chuyên viên phòng Tài nguyên nước - Khoáng sản	Sở Tài nguyên và Môi trường	
34	Hà Đức Nghĩa	1983		Kinh	Phó Trưởng phòng Quản lý đo đạc bản đồ và viễn thám	Sở Tài nguyên và Môi trường	
35	Nguyễn Thị Dung		1983	Kinh	Phó Trưởng phòng, Phòng Văn bản và theo dõi thi hành pháp luật	Sở Tư pháp	
36	Nguyễn Thị Trang Nhung		1983	Kinh	Chuyên viên phòng Cải cách hành chính	Sở Nội vụ	
37	Nguyễn Thị Kim Ngân		1983	Kinh	Chuyên viên phòng Công giáo - Tin lành, Ban Tôn giáo	Sở Nội vụ	
38	Phạm Thị Kim Liên		1983	Kinh	Thanh tra viên, Thanh tra Sở	Sở Nội vụ	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Chức danh, vị trí công tác	Đơn vị công tác	Ghi chú
		Nam	Nữ				
39	Nguyễn Mi Lê	1978		Kinh	Trưởng phòng Hành chính - tổng hợp, Chi cục Văn thư - lưu trữ	Sở Nội vụ	
40	Vũ Đình Đức	1973		Kinh	Trưởng phòng Quản lý biên giới	Sở Ngoại vụ	
41	Phùng Thế Phương	1985		Kinh	Phó Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin và truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	
42	Đoàn Thị Như Nguyệt		1979	Kinh	Chuyên viên phòng Quản trị - Tài vụ	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	
43	Đoàn Thị Hồng Hạnh		1984	Kinh	Chuyên viên phòng Kiểm soát thủ tục hành chính	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	
44	Nguyễn Trọng Hiếu	1980		Kinh	Hàm Trưởng phòng, Phòng Tổng hợp	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	
45	Vũ Thị Phương Hiền		1972	Kinh	Chuyên viên phòng Hành chính - Tổ chức quản trị	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	
46	Đinh Thị Thục Anh		1988	Kinh	Thanh tra viên phòng TTPCTN	Thanh tra tỉnh	
47	Phạm Thu Hà		1984	Kinh	Thanh tra viên Văn phòng	Thanh tra tỉnh	
48	Cao Sơn Đông	1983		Kinh	Chuyên viên phòng Quản lý Doanh nghiệp	Ban Quản lý Khu kinh tế	
49	Phạm Mai Thu Hương		1984	Kinh	Chuyên viên phòng Quản lý Đầu tư	Ban Quản lý Khu kinh tế	
50	Nguyễn Thị Thiện		1978	Kinh	Phó Giám đốc	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	
51	Trần Việt Hùng	1983		Kinh	Phó Chánh Văn phòng HĐND -UBND	UBND thành phố Hạ Long	
52	Ngô Quang Thông	1984		Kinh	Phó phòng, Phòng Kinh tế	UBND thành phố Hạ Long	
53	Vũ Thị Phương		1983	Kinh	Phó Chủ tịch UBND phường Hà Lầm	UBND thành phố Hạ Long	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Chức danh, vị trí công tác	Đơn vị công tác	Ghi chú
		Nam	Nữ				
54	Nguyễn Thị Bích Thương		1969	Kinh	Phó Trưởng phòng, Phòng Văn hóa - Thông tin	UBND thành phố Cẩm Phả	
55	Lê Thị Lan		1971	Kinh	Phó Trưởng phòng, Phòng Giáo dục - Đào tạo	UBND thành phố Cẩm Phả	
56	Phạm Thị Thúy Bình		1970	Kinh	Phó Trưởng phòng, Phòng Giáo dục - Đào tạo	UBND thành phố Cẩm Phả	
57	Phạm Ngọc Bích	1980		Kinh	Phó Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố	UBND thành phố Uông Bí	
58	Hoàng Thị Hà		1980	Kinh	Phó Trưởng phòng, Phòng Nội vụ	UBND thành phố Uông Bí	
59	Lê Ngọc Hà	1978		Kinh	Phó Trưởng phòng, Phòng Tài nguyên và Môi trường	UBND thành phố Uông Bí	
60	Lê Minh Cường	1980		Kinh	Phó Trưởng phòng, Phòng Văn hóa và Thông tin	UBND thị xã Quảng Yên	
61	Nguyễn Thế Nhâm	1982		Kinh	Chuyên viên phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	UBND thị xã Quảng Yên	
62	Hoàng Mạnh Quân	1977		Tày	Phó Chánh thanh tra thị xã Quảng Yên	UBND thị xã Quảng Yên	
63	Bùi Thị Dung		1980	Kinh	Phó Trưởng phòng, Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND thị xã Đông Triều	
64	Lê Ngọc Hưng	1978		Kinh	Phó Trưởng phòng, Phòng Tư pháp	UBND thị xã Đông Triều	
65	Nguyễn Văn Quảng	1978		Kinh	Phó Trưởng phòng Nội vụ	UBND huyện Hoành Bồ	
66	Nguyễn Huy Hải	1976		Kinh	Phó Chánh Thanh tra huyện Ba Chẽ	UBND huyện Hoành Bồ	
67	Nguyễn Khánh Bình	1978		Kinh	Phó Trưởng phòng, Phòng Nội vụ	UBND huyện Cô Tô	
68	Nguyễn Quang Trung	1980		Kinh	Phó Trưởng ban, Ban Quản lý cảng	UBND huyện Cô Tô	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Chức danh, vị trí công tác	Đơn vị công tác	Ghi chú
		Nam	Nữ				
69	Đặng Thị Thu Hồng		1979	Kinh	Phó Trưởng phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn	UBND huyện Vân Đồn	
70	Vũ Việt Hà	1982		Kinh	Chuyên viên phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND huyệnVân Đồn	
71	Nguyễn Thanh Tùng	1982		Kinh	Phó Trưởng ban Kinh tế - Xã hội, Hội đồng nhân dân huyện	UBND huyện Tiên Yên	
72	Lý Văn Thắng	1981		Sán Dìu	Phó Trưởng phòng, Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện	UBND huyện Tiên Yên	
73	Lương Thế Dũng	1982		Kinh	Phó Giám đốc Trung tâm Hành chính công huyện	UBND huyện Tiên Yên	
74	Hoàng Thị Kiên		1986	Tày	Phó Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện	UBND huyện Bình Liêu	
75	Phan Trần Hanh	1973		Kinh	Phó Chánh thanh tra	UBND huyện Bình Liêu	
76	La Ngọc Dương	1980		Tày	Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường	UBND huyện Bình Liêu	
77	Nguyễn Thái Phong	1968		Kinh	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện	UBND huyện Ba Chẽ	
78	Phạm Văn Nhớ	1976		Kinh	Phó Chánh Thanh tra huyện Ba Chẽ	UBND huyện Ba Chẽ	
79	Phạm Thị Chính		1982	Kinh	Giám đốc Trung tâm dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp	UBND huyện Ba Chẽ	
80	Phạm Quang Hảnh	1969		Kinh	Trưởng Ban pháp chế Hội đồng nhân dân huyện kiêm Bí thư Đảng ủy thị trấn Quảng Hà	UBND huyện Hải Hà	

Ấn định danh sách này gồm 80 người./.